

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 19-3-2021

“V/v ly hôn và tranh chấp con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Minh

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Kiều Lương.

Ông Đỗ Minh Nhựt.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Ông Nguyễn Đình Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2020/HNGĐ-PT ngày 31/12/2020 về việc *“Ly hôn và tranh chấp con chung”*.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 120/2020/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐ-PT ngày 15 tháng 01 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2021/QĐ-PT ngày 03/02/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2021/QĐ-PT ngày 03/3/2021, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Ngọc B, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp 2B, xã X, huyện X1, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh Trần Trọng C, sinh năm 1986.

Hộ khẩu thường trú: phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng.

Địa chỉ tạm trú khi ly hôn: Ấp 3B, xã X, huyện X1, tỉnh Đồng Nai.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Trần Trọng C.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh C: Luật sư Nguyễn Thị Kim L và Luật sư Tạ Gia L1– Công ty Luật TNHH Q và Cộng Sự thuộc Đoàn Luật sư Hà Nội.

(Các đương sự, Luật sư có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai bổ sung, nguyên đơn chị Hoàng Thị Ngọc B trình bày:

Vào năm 2015, chị và anh Trần Trọng C tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X1. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên thường xuyên cãi nhau. Anh C hay uống rượu, khi say thường có lời lẽ xúc phạm chị và gia đình chị. Anh C hay đi làm xa nhà, ít khi hỏi han con cái, bỏ mặc việc chăm sóc con cho một mình chị. Nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn, chị không còn tình cảm với anh C nữa nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên là Trần Bảo N, sinh ngày 06/6/2016 và cháu Trần Huy H, sinh ngày 20/10/2017. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi 02 con chung vì chị có công việc, thu nhập ổn định (khoảng 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng)/ tháng). Trong thời gian chờ làm thủ tục ly hôn, anh C đã tự ý đưa cháu H về quê gửi nhà bà nội ở Hải Phòng rồi về Lâm Đồng làm việc mà không được sự đồng ý của chị, cháu N vẫn sống với chị. Do tính chất công việc của anh C thường xuyên đi công tác và làm việc dài ngày ở nhiều nơi, nên không thể chăm sóc con được. Mặt khác, cháu N còn nhỏ, là nữ, bị bệnh rối loạn trương lực cơ nên cần sự chăm sóc của mẹ, cần ổn định môi trường sống theo khuyến cáo của bác sĩ. Chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Trần Trọng C trình bày:

Anh C thống nhất trình bày của chị B về điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, anh và chị B phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2017. Do nhu cầu công việc, anh phải tiếp khách bên ngoài và có hay uống rượu nhưng chị B không thông cảm nên vợ chồng hay cãi nhau. Chị B yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý vì hai con còn nhỏ và mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn.

Về con chung: Khi ly hôn, anh yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Bảo N, sinh ngày 06/6/2016 cho đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động vì anh có đủ năng lực, trình độ và điều kiện kinh tế để nuôi con. Giao cháu Trần Huy H, sinh ngày 20/10/2017 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Anh không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con chung và anh cũng không cấp dưỡng nuôi con cho chị B.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại Bản án số: 120/2020/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc đã Quyết định:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn và nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Ngọc B ly hôn anh Trần Trọng C.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Bảo N, sinh ngày 06/6/2016 và cháu Trần Huy H, sinh ngày 20/10/2017 cho chị Hoàng Thị Ngọc B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị B không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/10/2020, bị đơn anh Trần Trọng C kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Luật sư Lương và Luật sư Lan thống nhất trình bày: Anh C không đăng ký tạm trú tại ấp 3B, xã X, huyện X1, tỉnh Đồng Nai. Anh C khai sinh sống tại phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng và tại phiên tòa hôm nay anh C khai tạm trú tại thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án huyện Xuân Lộc thụ lý giải quyết là vi phạm thẩm quyền theo lãnh thổ nên việc tổng đạt niêm yết xét xử vắng mặt anh C là vi phạm thủ tục tố tụng. Đề nghị đình chỉ xét xử phần rút kháng cáo đối với yêu cầu nuôi cháu Trần Bảo N. Đối với cháu Trần Huy H hiện nay đã 41 tháng tuổi không thuộc trường hợp áp dụng khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, hiện tại cháu H đang ở với anh C rất ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo giao cháu H cho anh C nuôi dưỡng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, các đương sự tham gia phiên tòa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết: Cả chị B và anh C đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Trần Bảo N và Trần Huy H, anh chị đều có điều kiện kinh tế ổn định. Cháu Trần Bảo N đang mắc bệnh rối loạn trương lực cơ, một bệnh lý rối loạn vận động hiện đang theo dõi thăm khám và điều trị tại thành phố Hồ Chí Minh phải tái khám hàng tháng nên việc giao cháu N cho chị B nuôi dưỡng là hợp lý. Mặt khác, cháu N là con gái, tuổi đang còn nhỏ (hơn 04 tuổi) nên rất cần sự chăm sóc, gần gũi của người mẹ. Đối với cháu Trần Huy H, hiện cháu mới hơn 36 tháng tuổi nên cũng rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Về phía anh C do đặc thù của công việc nên thường xuyên phải đi công tác ở các tỉnh, do đó việc chăm sóc con cái cũng có phần hạn chế. Cấp sơ thẩm giải quyết giao hai con chung là Trần Bảo N và Trần Huy H cho chị Hoàng Thị Ngọc B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị B

không có yêu cầu là có căn cứ, phù hợp pháp luật. Do đó, kháng cáo của anh C về việc được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Huy H là không có cơ sở chấp nhận. Phạm vi xét xử phúc thẩm chỉ xem xét trong nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo anh C giữ nguyên bản án sơ thẩm, đình chỉ xét xử phần kháng cáo xin nuôi cháu N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Trọng C làm đơn kháng cáo hợp lệ và trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Xét nội dung kháng cáo của anh Trần Trọng C:

Theo đơn kháng cáo ngày 26/10/2020, anh C kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giao hai con cho anh C nuôi.

Tại cấp phúc thẩm, anh C và chị B đều cung cấp chứng cứ chứng minh công việc, thu nhập ổn định, kinh doanh và chủ động trong thời gian làm việc nên đều có đủ điều kiện về kinh tế và thời gian chăm sóc hai con. Cụ thể như: chị B đang làm việc tại công ty Nông sản T với thu nhập trung bình 15.000.000đ/ tháng (BL31), thu nhập từ kinh doanh hạt điều rang muối tại nhà (BL21), ngoài ra chị B còn có quyền sử dụng đất đối với 4.006m² tại phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai được định giá 17.730.000.000đ (BL117-119) và chị B đã mua bảo hiểm an sinh giáo dục cho cháu H thời hạn 18 năm từ ngày 02/4/2018 đến hết ngày 01/4/2036 (BL 190); Anh C hiện có công ty riêng về lĩnh vực sản xuất và ứng dụng công nghệ thực phẩm (BL249), ngoài ra anh C còn làm việc tại công ty TNHH N với mức thu nhập trung bình 10.000.000đ/tháng (BL 258-260) và hiện tại anh C sống chung với mẹ nên có điều kiện chăm sóc con.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh C rút một phần kháng cáo xin nuôi cháu N, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 đình chỉ xét xử đối với phần kháng cáo này. Anh C chỉ xin nuôi cháu Trần Huy H và trình bày cháu H hiện đang sống với anh C và anh C vẫn đang đảm bảo chăm sóc tốt cho cháu, trong khi chị B đang nuôi dưỡng cháu N bị bệnh, thường xuyên phải khám, điều trị nên không thể đảm bảo chăm sóc cả hai cháu; khi xét xử sơ thẩm,

cháu H chưa được 03 tuổi, tuy nhiên nay cháu H đã được hơn 03 tuổi nên không thể áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật HNGĐ để giao con cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng; nếu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, anh C sẽ đảm bảo cho chị B được quyền thăm nom, không ai cản trở.

Đồng thời tại phiên tòa, anh C và Luật sư cho rằng từ trước đến giờ anh C sinh sống tại địa chỉ hộ khẩu thường trú số 199 phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng, đăng ký tạm trú tại thành phố Hồ Chí Minh không sinh sống tại địa chỉ ấp 3B, xã X, huyện X1, tỉnh Đồng Nai nên Tòa án huyện Xuân Lộc xét xử là không đúng thẩm quyền. Hội đồng xét xử xét thấy quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị B đã nộp giấy xác nhận nơi tạm trú của anh C tại ấp 3B, xã X, huyện X1, tỉnh Đồng Nai. Anh C có đến Tòa án huyện Xuân Lộc nộp bản tự khai. Ngày 22/9/2020 Tòa án huyện Xuân Lộc tổng đạt trực tiếp cho anh C Thông báo kết quả công khai chứng cứ, trong đó có giấy xác nhận tạm trú tại xã X nhưng anh C không thắc mắc khiếu nại. Tại bản tự khai ngày 31/8/2020 ở cấp sơ thẩm anh C khẳng định anh C và chị B vẫn ở trong khuôn viên cách nhau 20m nên vẫn chạy qua chăm sóc con hàng ngày. Ngoài ra, tại đơn kháng cáo anh C chỉ tranh chấp việc nuôi con yêu cầu sửa án không kháng cáo việc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và cũng tại đơn kháng cáo anh C nêu sau khi ly hôn anh C mới về sống với ba mẹ. Tại bút lục 275 bản tự khai anh C khai rằng: “Tôi cam đoan và xác nhận từ khi nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm cho đến nay thì cư trú tại Hải Phòng” và các tài liệu anh C nộp chứng minh nguồn thu nhập thể hiện nơi làm việc tại Lâm Đồng. Tại phiên tòa chị B cung cấp thẻ bảo hiểm y tế, giấy ra viện của anh C và giấy xác nhận do chính anh C xin xác nhận thì nơi tạm trú của anh C là ấp 3B, xã X, huyện X1, tỉnh Đồng Nai như đã xác minh. Anh C khai sau khi kết hôn anh sinh sống tại hẻm 126, phường 2, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh; đồng thời anh C cũng không cung cấp được tài liệu nào chứng minh anh C từ trước đến giờ không sinh sống, tạm trú tại địa chỉ ấp 3B, xã X, huyện X1, tỉnh Đồng Nai. Như vậy, lời khai nại trên không có cơ sở chấp nhận.

Anh C, chị B chung sống với nhau năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh C, chị B có 02 con chung tên là Trần Bảo N, sinh ngày 06/6/2016 và Trần Huy H, sinh ngày 20/10/2017. Tại Tòa án cấp sơ thẩm, anh C có nguyện vọng được nuôi cháu Bảo N, chị B có nguyện vọng được nuôi cả 02 cháu. Hội đồng xét xử sơ thẩm đã nhận định xem xét về điều kiện

thực tế của anh C, chị B đều có điều kiện kinh tế, thu nhập, sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt để nuôi dạy con. Tuy nhiên, do cháu N còn nhỏ, là nữ, hiện đang sống với chị B và chị B vẫn nuôi con đảm bảo. Cháu N đang bị bệnh rối loạn trương lực cơ, phải thăm khám và điều trị theo chỉ định của bác sĩ. Anh C thường xuyên phải đi làm xa nhà nên việc gần gũi, chăm sóc, dạy dỗ các cháu không đảm bảo bằng chị B. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, cấp sơ thẩm đã giao cháu N cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với cháu Trần Huy H, sinh 20/10/2017, tính tới thời điểm xét xử sơ thẩm cháu H dưới 36 tháng tuổi nên cần thiết giao cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của chị B, giao hai con chung cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ.

Xét thấy nguyện vọng được nuôi con của anh C và chị B là chính đáng. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét hoàn cảnh, điều kiện, quy định của pháp luật về việc nguyện vọng nuôi con của anh C và chị B và hai cháu N, Hoàng đều còn nhỏ tuổi cần sự quan tâm chăm sóc, gần gũi của người mẹ hơn, tình cảm chị em của hai cháu N và H đang gắn bó thân thiết với nhau. Để đảm bảo việc ổn định cuộc sống phát triển toàn diện về thể chất cũng như tinh thần của hai cháu N và H, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm giao hai cháu N và H cho chị B nuôi dưỡng là phù hợp và có căn cứ pháp luật nên không chấp nhận kháng cáo của anh C.

Ngoài ra, theo hồ sơ thể hiện tại bản tự khai ngày 31/8/2020 của chị B và anh C khai tài sản chung không yêu cầu tòa giải quyết. Tại phiên tòa phúc thẩm chị B khai tài sản chung không yêu cầu giải quyết còn anh C khẳng định tài sản chung không có nên cần tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu. Tuy nhiên bản án sơ thẩm ghi phần tài sản chung các đương sự khai không có là chưa chính xác cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[3] Quan điểm của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh C không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không ghi nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Do kháng cáo của anh C không được chấp nhận nên anh C phải nộp 300.000đ án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 289, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Đình chỉ xét xử đối với phần kháng cáo xin nuôi cháu Trần Bảo N của anh Trần Trọng C.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Trọng C; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 120/2020/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hoàng Thị Ngọc B. Chị Hoàng Thị Ngọc B được ly hôn với anh Trần Trọng C.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Bảo N, sinh ngày 06/6/2016 và cháu Trần Huy H, sinh ngày 20/10/2017 cho chị Hoàng Thị Ngọc B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Tạm thời anh C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị B không yêu cầu.

Anh C có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

- Về nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Chị Hoàng Thị Ngọc B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004058 ngày 17/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được chuyển thành án phí. Chị B đã nộp xong án phí.

- Về án phí HNGĐ phúc thẩm: Anh Trần Trọng C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo

Biên lai thu số 0004343 ngày 26/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Anh C đã nộp xong án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- Đương sự;
- TAND H.Xuân Lộc;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THA.DS H.Xuân Lộc;
- UBND phường (xã) cấp giấy chứng nhận kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu Minh